TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 03 - 3 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh S

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ú

Ông Kiên Ngọc T

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ L, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 2 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Thị Ngọc Th, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1995 tại tỉnh T. Nơi cư trú: Số 37/1, khóm 2, phường Q, thành phố T, tỉnh T. Nơi ở hiện tại: số 160/42, đường Chu Văn An, khóm 4, phường W, thành phố T, tỉnh T; ghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông: Không xác định và bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1974; chồng: Huỳnh Hữu Ng, sinh năm 2002; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1992 (có mặt).
Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, bị cáo Phạm Thị Ngọc Th đã nhiều lần cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 (sinh ngày 25 tháng 10 năm 1992, nơi thường trú ấp ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh T) vay tiền, lãi suất hai bên thoả thuận là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương 01%/ngày (tức 365%/năm). Hình thức vay là cứ 10 ngày đóng lãi một lần và khi cho vay thì bị cáo Th sử dụng số tài khoản 9335949001 thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Vietcombank để thực hiện các giao dịch chuyển tiền cho vay và nhận tiền trả lãi, tiền gốc từ tài khoản số 0906742425 do chị T1 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội.

Với cách thức như trên, từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2024, bị cáo Th đã cho chị T1 vay tiền tổng cộng 06 lần, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 25 tháng 10 năm 2023, bị cáo Th cho chị T1 vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời gian vay từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến ngày 16 tháng 11 năm 2023 (tổng cộng 22 ngày), chị Trúc đã đóng tiền lãi cho bị cáo Th tổng cộng số tiền là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 10.000.000 đồng x (20%/365 ngày) x 22 ngày = 120.548 đồng. Bị cáo Th thu lợi bất chính: 2.200.000 đồng – 120.548 đồng = 2.079.452 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng). Trong lần vay này chị T1 đã trả hết số tiền vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho bị cáo Thảo vào ngày 16 tháng 11 năm 2023.

+ Lần thứ hai: Vào ngày 08 tháng 11 năm 2023, bị cáo Th tiếp tục cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời gian vay từ ngày 08 tháng 11 năm 2023 đến ngày 26 tháng 12 năm 2023 (tổng cộng 48 ngày) chị T1 đã đóng tiền lãi cho bị cáo Th với số tiền là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 10.000.000 đồng x (20%/365 ngày) x 48 ngày = 263.014 đồng, bị cáo Th thu lợi bất chính: 4.800.000 đồng - 263.014 đồng = 4.536.986 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong lần vay này chị T1 đã trả hết số tiền vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho bị cáo Th vào ngày 26 tháng 12 năm 2023.

+ Lần thứ ba: Vào ngày 07 tháng 12 năm 2023, bị cáo Th tiếp tục cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời gian vay từ ngày 07 tháng 12 năm 2023 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023 (tổng cộng 22 ngày), chị T1 không thực hiện đóng lãi cho bị cáo Th với số tiền lãi thoả thuận phải đóng là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) và cũng không trả tiền vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho bị cáo Th. Như vậy, trong lần vay này chị T1 đã nợ tiền vay của bị cáo Th là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và nợ tiền lãi vay là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Lần thứ tư: Vào ngày 29 tháng 12 năm 2023, bị cáo Th tiếp tục cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cộng với số tiền vay lần thứ ba mà chị T1 chưa trả cho bị cáo Th, nâng tổng cộng số tiền chị T1 đã vay của bị cáo Th trong lần vay này là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời gian vay từ ngày 29 tháng 12 năm 2023 đến ngày 03 tháng 01 năm 2024 (tổng cộng là 05 ngày), chị T1 không thực hiện đóng lãi cho bị cáo Th với số tiền lãi thoả thuận phải đóng là

1.000.000 đồng (một triệu đồng) và cũng không trả tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho bị cáo Th. Như vậy, trong lần vay này chị T1 đã nợ tiền vay của bị cáo Th là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và nợ tổng tiền lãi vay (lần 3 + lần 4) là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Lần thứ năm: Vào ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Th tiếp tục cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cộng với số tiền vay lần thứ tư mà chị T1 chưa trả cho bị cáo Th, nâng tổng số tiền chị T1 đã vay của bị cáo Th trong lần vay này là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thời gian vay ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến ngày 19 tháng 3 năm 2024 (tổng cộng là 76 ngày), chị T1 đã đóng tiền lãi cho bị cáo Th với số tiền là 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Theo thoả thuận giữa hai bên thì tiền lãi trong lần vay này là 22.800.000 đồng nhưng chị T1 đã trả dư tiền lãi 600.000 đồng, số tiền dư này chị T1 trả vào số tiền lãi còn nợ ở lần vay thứ ba là 2.200.00 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng), sau khi trả số tiền này chị Trúc còn nợ tiền lãi vay lần thứ ba là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Như vậy trong lần vay này chị Trúc còn nợ tiền lãi vay của lần vay thứ ba là 1.600.000 đồng và lần vay thứ tư là 1.000.000 đồng, tổng là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Đồng thời, trong lần vay này chị T1 cũng không trả tiền vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho bị cáo Th. Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 30.000.000 đồng x (20%/365 ngày) x 76 ngày = 1.249.315 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng), bị cáo Th thu lợi bất chính: 22.800.000 đồng - 1.249.315 đồng = 21.550.685 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám lăm đồng).

+ Lần thứ sáu: Vào ngày 19 tháng 3 năm 2024, bị cáo Th tiếp tục cho chị T1 vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cộng với số tiền vay lần thứ năm mà chị T1 chưa trả cho bị cáo Th, nâng tổng cộng số tiền chị T1 đã vay của bị cáo Th trong lần vay này là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), thời gian vay từ ngày 19 tháng 3 năm 2024 đến ngày 16 tháng 4 năm 2024 (tổng cộng là 28 ngày), chị T1 đã đóng tiền lãi cho bị cáo Th với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Theo thỏa thuận thì tiền lãi trong lần vay này là 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) đồng nhưng chị T1 đã trả dư tiền lãi 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền dư này chị Trúc tiếp tục trả vào số tiền lãi còn nợ ở lần vay thứ ba là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) và lần vay thứ tư là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), còn nợ tiền lãi của lần vay thứ tư là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 45.000.000 x (20%/365 ngày) x 28 ngày = 690.411 đồng, bị cáo Th thu lợi bất chính: 12.600.000 đồng - 690.411 đồng = 11.909.589 đồng (mười một triệu chính trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Đồng thời, trong lần vay này chị T1 cũng không trả tiền vay là 45.000.000 đồng cho bị cáo Th.

Lần vay thứ sáu này chị T1 đã trả hết lãi vay ở lần vay thứ ba, trả được 800.000 đồng đối với lần vay thứ tư. Do đó ở lần vay thứ ba bị cáo Th đã thu lợi bất chính số tiền: 2.200.000 đồng – 120.548 đồng = 2.079.452 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng); ở lần vay thứ tư bị

cáo Th đã thu lợi bất chính số tiền là 800.000 đồng - 54.795 đồng = 745.205 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng).

Do hoàn cảnh khó khăn, đến ngày 16 tháng 4 năm 2024, chị T1 đến gặp bị cáo Th thỏa thuận và xin trả dần tiền vay gốc mỗi ngày 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) cho đến khi hết số tiền gốc là 45.000.000 đồng (bốn lăm triệu đồng), không tính lãi thì bị cáo Th đồng ý. Từ ngày 17 tháng 4 năm 2024 cho đến ngày 31 tháng 8 năm 2024, chị T1 đã nhiều lần trả tiền vay cho bị cáo Th với hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của bị cáo Th với tổng số tiền là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Từ sau ngày 31 tháng 8 năm 2024 cho đến nay chị T1 không còn trả tiền vay cho bị cáo Th, hiện chị T1 còn nợ bị cáo Th số tiền vay gốc là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Qua kết quả đối chiếu bản sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu đã thu thập được, có đủ cơ sở khẳng định từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2024 bị cáo Th đã 06 lần cho chị T1 vay với tổng số tiền là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền lãi thu được là 45.400.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của pháp luật là: 2.498.630 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là: 42.901.370 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng). Hiện chị T1 đã trả tiền vay gốc cho bị cáo Th số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng), còn nợ lại 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án:

+ Về tình tiết tăng nặng: Không.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Không.

- Phần dân sự: bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu nhận lại số tiền 42.901.370 đồng mà bị cáo Phạm Thị Ngọc Th đã thu lợi bất chính từ bà T1.

Tại Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Phạm Thị Ngọc Th về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Phạm Thị Ngọc Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, khoản 1,2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc Th từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Thị Ngọc Th đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2024, bị cáo Phạm Thị Ngọc Th đã 06 lần cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 vay tiền để lấy lãi, số tiền cho vay dao động từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), với mức lãi suất vượt hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (365%/năm so với mức lãi suất cao nhất cho phép là 20%/năm). Tổng số tiền mà bị cáo Th đã cho vay qua 06 lần là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), thu lợi bất chính 42.901.370 đồng (bốn mươi hai triệu chín trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng), toàn bộ số tiền này bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thị Ngọc Th đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Phạm Thị Ngọc Th về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cho vay với mức lãi suất vượt hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (365%/năm so với mức lãi suất cao nhất cho phép là 20%/năm) thu lợi bất chính 42.901.370 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến chính sách quản lý của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu bị cáo trả lại 42.901.370 đồng tiền thu lợi bất chính. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ngọc Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc Th 60.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc Th nộp 33.000.000 đồng tiền cho vay và 2.498.630 đồng tiền lãi thu được từ chị Nguyễn Thị Thanh T1 sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 123, Điều 131, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc Th trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh Trúc 42.901.369 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T1 nộp lại 32.000.000 đồng tiền vay của bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc Th nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- PTTG TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ